TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **119** /2023/DS-ST
Ngày: 29/9/2023.
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm V:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Quang.
Bà Đào Thị Tuyết Mai.
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Thành Trung - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo L - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2023/QĐST – DS ngày 22 tháng 8 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2023/QĐST-DS ngày 12/9/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông V, sinh năm 1976 (V mặt).
Trú tại: ấp S, xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre.
* *Bị đơn:* Bà L, sinh năm 1969 (Vắng mặt).
Trú tại: ấp S, xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre.
* *Người V quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông C, sinh năm 1967 (Vắng mặt).
Trú tại: ấp S, xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 07/6/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/6/2023 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Thị Kim Hoa trình bày:*

Giữa ông và bà L hai bên V việc chơi hụi với nhau. Hụi do bà L làm chủ, còn ông là hụi viên. Quá trình tham gia chơi hụi thì ông đã đóng hụi cho bà L và bà L còn nợ ông số tiền là 28.800.000 đồng. Sau khi bà L vỡ hụi thì giữa ông và

bà L hai bên V kết nợ lại và bà L V làm giấy tay xác nhận và thừa nhận còn nợ tiền hụi ông số tiền là 28.800.000 đồng. Nay ông yêu cầu bà L, ông C phải V nghĩa vụ trả cho ông số nợ hụi là 28.800.000 (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

** Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2023, bị đơn bà L trình bày:*

Bà thừa nhận bà V làm chủ hụi, ông V là hụi viên, bà thừa nhận V nợ tiền hụi nguyên đơn tổng số tiền hụi là 28.800.000 (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng. Nay, bà đồng ý trả nợ hụi cho nguyên đơn. Đối với ông C là chồng bà, vợ chồng V đăng ký kết hôn theo quy định, bà đã làm chủ hụi hơn 20 năm qua, thu nhập hàng tháng của bà vài chục triệu đồng, bà làm chủ hụi, ông Cống V đi góp hụi cho bà nhưng bà đã trả tiền công cho ông Cống. Tuy nhiên, ông Cống không biết gì về số tiền nợ hụi của bà, bà V giao giấy tờ của Tòa án cho ông Cống nhưng ông nói không liên quan gì đến số nợ hụi nên không đến Tòa án, cũng không V ý kiến gì hết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người V quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C đã được tống đạt các Văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng ông không V ý kiến phản đối hay V yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án không thu thập được lời khai của ông C.*

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời hạn. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vuTrong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật V liên quan về việc xét xử vụ án. Các bên đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn và người V quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà L và ông C liên đới trả cho ông V số tiền 28.800.000 (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu V trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà L V đơn xin xét xử vắng mặt, ông Cống đã được Tòa án triệu tập đến tham dự phiên tòa đúng theo quy định pháp luật pháp luật nhưng ông Cống vắng mặt không V lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông Cống.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ hụi còn nợ là 28.800.000 (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng và không tính lãi suất, bị đơn thừa nhận và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này. Xét lời thừa nhận của bị đơn là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp V trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là V cơ sở và phù hợp với quy đinh của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu buộc ông C V nghĩa vụ liên đới trả nợ, HĐXX xét thấy: Căn cứ theo Giấy kết hôn giữa bà L và ông Cống thể hiện ông bà V đăng ký kết hôn vào năm 1988 nên bà L và ông Cống là vợ chồng hợp pháp, hiện vẫn sống và sinh hoạt chung gia đình với nhau. Đồng thời mục đích bà L làm chủ hụi để lo kinh tế gia đình phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên buộc ông Cống V nghĩa vụ liên đới trả nợ là V căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm V giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà L và ông Cống phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà L và ông C phải V nghĩa vụ liên đới trả cho ông V số tiền nợ hụi là 28.800.000 (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án V hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày V đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm V giá ngạch:

- Buộc bà L và ông C phải V nghĩa vụ liên đới chịu là 1.440.000 (Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho ông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 720.000 (Bảy trăm hai mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005033 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn V quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người V quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa V quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự V quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Tùng